count(\$array): Hàm này có tác dụng đếm xem trong mảng có bao nhiêu phần tử

```
$array=[
    'Hoàng An',
    'Đào tạo lập trình PHP',
    'Đào tạo lập trình WordPress'
];
echo count($array);
// Kết quả: 3
```

array\_values(\$array): Hàm có tác dụng đưa mảng về dạng mảng tuần tự (Key là số 0,1,2,3)

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_values($array));
// Kết quả: Array ( [0] => Hoàng An [1] => Đào tạo lập trình PHP )
```

array\_keys(\$array): Hàm này có tác dụng trả về một mảng tuần tự với phần tử là key của mảng ban đầu

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_keys($array));
// Kết quả: Array ( [0] => name [1] => job )
```

array\_pop(\$array): Hàm này trả về phần tử cuối cùng của mảng

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_pop($array));
// Kết quả: Đào tạo lập trình PHP
```

array\_push(\$array,\$var,\$var...): Hàm này có tác dụng thêm một hoặc nhiều phần tử vào cuối mảng và trả về số lượng phần tử của mảng sau khi thêm

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_push($array, 'Đào tạo lập trình WordPress'));
// Kết quả: 3
```

array\_shift(\$array): Hàm có tác dụng xóa phần tử đầu tiên của mảng và trả về phần tử vừa xóa

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_shift($array));
// Kết quả: Hoàng An
```

array\_unshift(\$array, \$var, \$var...): Hàm có tác dụng thêm một hoặc nhiều phần tử vào đầu mảng, và trả về số lượng phần tử của mảng sau khi thêm

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_unshift($array, "WordPress Developer"));
// Kết quả: 3
```

array\_flip(\$array): Hàm này có tác dụng chuyển đổi key của mảng thành value và ngược lại

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_flip($array));
// Kết quả: Array ( [Hoàng An] => name [Đào tạo lập trình PHP] => job )
```

sort(\$array): Hàm có tác dụng sắp xếp lại mảng theo chiều tăng dần và trả về giá trị TRUE nếu thành công và ngược lại FALSE nếu không thành công

```
$array = [5, 4, 3, 2, 1];
sort($array); //TRUE
print_r($array);
// Kết quả: Array ( [0] => 1 [1] => 2 [2] => 3 [3] => 4 [4] => 5 )
```

array\_reverse(\$array): Hàm có tác dụng đảo ngược lại vị trí của các phần tử trong mảng

```
$array = [5, 4, 3, 2, 1];
print_r(array_reverse($array));
// Kết quả: Array ( [0] => 1 [1] => 2 [2] => 3 [3] => 4 [4] => 5 )
```

array\_merge(\$array,\$array...): Hàm có tác dụng gộp hai hay nhiều mảng thành một mảng

array\_rand(\$array, \$number): Hàm có tác dụng lấy ra key ngẫu nhiên trong mảng với number là số lượng muốn lấy

```
array = [
   'name' => 'Hoàng An',
   'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
print_r(array_rand($array));
// Kết quả: name
print_r(array_rand($array, 2));
//Kết quả: Array ( [0] => name [1] => job )
```

array\_search(\$keyword,\$array): Hàm có tác dụng tìm kiếm giá trị của mảng và trả về key của phần tử đó nếu có

```
$array = [
'name' => 'Hoàng An',
'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_search('Hoàng An', $array));
// Kết quả: name
```

array\_slice(\$array,\$begin,\$lenght): Hàm có tác dụng lấy ra \$lenght phần tử bắt đầu từ \$begin trong mảng

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_slice($array, 0));
// Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An [job] => Đào tạo lập trình PHP )
print_r(array_slice($array, 0, 1));
// Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An)
```

array\_unique(\$array): Hàm có tác dụng loại bỏ các phần tử trùng nhau trong mảng và trả về một mảng mới sau khi đã loại bỏ.

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job1' => 'Đào tạo lập trình PHP',
    'job2' => 'Đào tạo lập trình PHP'
];
print_r(array_unique($array));
// Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An [job1] => Đào tạo lập trình PHP )
```

serialize(\$input): Hàm có tác dụng chuyển đổi một chuỗi, số, mảng, object thành một chuỗi được mã hóa

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
print_r($a = serialize($array));
// Kết quả: a:2:{s:4:"name";s:9:"Hoàng An";s:3:"job";s:28:"Đào tạo lập trình PHP";}
```

unserialize(\$input): Hàm có tác dụng decode chuỗi được mã hòa bằng serialize

```
<?php
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
1;
print_r($a = serialize($array));
//Kết quả: a:2:{s:4:"name";s:9:"Hoàng An";s:3:"job";s:28:"Đào tạo lập trình PHP";}
print_r(unserialize($a));
//Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An [job] => Đào tạo lập trình PHP )
```

array\_key\_exists(\$key,\$array): Kiểm tra xem mảng \$array có tồn tại khóa \$key không. Trả về TRUE nếu tồn tại và ngược lại

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
print_r(array_key_exists('name', $array));
// Kết quả: 1
```

in\_array(\$value,\$array): Hàm có tác dụng kiểm tra xem mảng \$array có tôn tại giá trị \$value không? và trả về TRUE nếu có và ngược lại

```
$array = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
print_r(in_array('Hoàng An', $array));
// Kết quả: 1
```

array\_diff(\$array1,\$array2,...): Hàm có tác dụng trả về mảng chứa các phân tử có trong mảng \$array1 nhưng không có trong mảng \$array2,...,\$arrayn

```
$array1 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
$array2 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình WordPress',
];
print_r(array_diff($array1, $array2));
// Kết quả: Array ( [job] => Đào tạo lập trình PHP )
```

array\_diff\_assoc(\$array1,\$array2,...): Hàm này có tác dụng trả về một mảng có các key trong mảng \$array1 mà \$array2,...\$arrayn không có.

```
$array1 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
$array2 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình WordPRess',
];
print_r(array_diff_assoc($array1, $array2));
// Kết quả: Array ( [job] => Đào tạo lập trình PHP )
```

array\_intersect(\$array1,\$array2,...): Hàm này có tác dụng trả về mảng các phần tử giống nhau về \$value giữa các mảng \$array...

```
$array1 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
$array2 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình WordPRess',
];
print r(array intersect($array1, $array2));
// Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An )
```

array\_intersect\_assoc(\$array1,\$array2,...): Hàm có tác dụng trả về mảng chứa các phần tử giống nhau cả key và value trong mảng \$array...

```
$array1 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
$array2 = [
    'name' => 'Hoàng An',
    'job' => 'Đào tạo lập trình WordPRess',
1;
print_r(array_intersect_assoc($array1, $array2));
// Kết quả: Array ( [name] => Hoàng An )
```

▶ is\_array(\$array): Hàm có tác dụng kiểm tra xem một biến có phải mảng hay không. Trả về true nếu là mảng và ngược lai.

\$array =[
 'name' => 'Hoàng An',
 'job' => 'Đào tạo lập trình PHP',
];
print\_r(is\_array(\$array));
// Kết quả: 1